



Nguyễn Quốc Bảo

*Quân tử mưu đạo bất mưu thực.
Người quân tử mưu đạo không mưu ăn,*

Đó là sách Luận ngữ chép chuyện Vệ Linh Công, thế nhưng người xứ ta nô nê lại nói ngược “Có thực mới vực được đạo” ! Thật là đạo thánh hiền sao bị được với lý lẽ dân gian, chúng tớ Ăn sáng, Ăn trưa, Ăn tối, mà cũng Ăn...Tết luôn.

Chuyện chi rồi cũng phải Ăn. Tên mắc chứng Hoàng Lão Tà mở miệng nói Ăn, mà cũng viết một tạp văn đáo để Ăn sáng ở nước Sài Gòn, làm tôi cũng xuất một loạn văn Ăn trưa rồi lại viết câu văn Ăn thịt chó. Cho nên miếng Ăn như tôi đã dẫn, các cụ nói là miếng tòi tàn, nhưng dân mình không ăn, quê mùa nói là đánh chén, thì có chuyện gì để mà nói với nhau. Tây thì Mừng Tết, célébrer le Nouvel An, Tàu nói Mừng Xuân Tiết **chūn jié**, mặc kệ Tây Tàu, dân mình thì phải nói Ăn Tết. Tết mà không Ăn không uống thì đâu phải Tết!

Vậy thì Tết là cái giống gì mà mà con Ròng cháu Tiên phải rừ rì, hân hoan, náo nhiệt Ăn...? Chữ Tết do hán tự Tiết, phần thể viết 節 giảm thể viết 节, bộ trúc 竹, tiếng quan thoại đọc là **jié tiết**. Tiết nghĩa chính là đốt, như đốt tre đốt xương. Tiết cũng như thời tiết, mỗi năm chia 24 tiết, như xuân phân, lập phân (*); tiết cũng là ngày thọ của Vua. Tết Tàu kêu Xuân Tiết. Tiếng Việt ta kêu Tết! Mà Tết, tháng giêng là tháng Ăn Chơi, thì phải Ăn...và Chơi chứ!

Xứ mình 4000 năm Văn hiến, Tết ta cũng 4000 năm lịch sử. Muôn sự đều khởi nguyên từ văn minh nông nghiệp, mà khởi đầu cho nông lịch niên là ngày Tết, truyền thống trong dân gian ăn mừng, tượng trưng cho hưng vượng, đoàn kết gia đình xã hội, hy vọng tràn trề cho năm mới. Người ta ăn Tết từ thời Ngu Thuấn Yu Shun, 2000 năm trước Công nguyên, một ngày trời đẹp vua Thuấn, tức Thiên tử vị, cùng bộ hạ lập đàn tế bái Thiên Địa. Sau đó dân gian coi ngày đầu năm là ngày 1 tháng Giêng, nguyên thủy của tân nguyên nông lịch, đời sau gọi là Xuân Tiết tức Tết Xuân. Trong quá khứ, tết còn gọi là Nguyên Đán , tháng giêng ta gọi là nguyên nguyệt!



Thế nhưng bên Tàu, trải qua nhiều thời đại, phương cách định ngày Tết cũng lộn xộn, không nhất trí. Hạ triều dùng tháng đầu Mùa xuân nguyên nguyệt (tháng giêng) là chính nguyệt, trong khi Thương triều lại dùng tháng mười hai, Tần Thủy Hoàng sau khi thống nhất lục quốc dùng tháng mười, thời Sơ Hán tiếp tục dùng Tần lịch (Tết tháng 10) cho đến đời Hán Võ

Đế Lư Triệt, vua thấy cách dùng lịch kỹ quá loạn, bèn ra lệnh đại thần Công Tôn Khanh và Tư Mã Thiên tạo ra Thái Dương Lịch, quy định nông lịch (tức âm lịch) chính nguyệt là tháng giêng, ngày đầu tháng giêng là ngày đầu năm, tức ngày Tết (nguyên đán). Từ đó về sau cho tới Thanh triều, nước Tàu xài hạ lịch hay âm lịch (xưa gọi nông lịch), được hết thủy 2080 năm cho tới khi Sun Yat-Sen (Tôn Dật Tiên) khởi xướng dùng âm lịch đồng thời với dương lịch, nước Tàu bắt đầu ăn 2 Tết!

Ngày Tết mồng một tháng giêng âm lịch, tục xung quả niên, niên đây là một động vật tưởng tượng đem tới những xui xẻo trong năm! Niên lại thì cây cối điêu tàn rã rượi, bách thảo bất sinh; niên đi (quá niên), vạn vật sinh trưởng, hoa tươi nở đầy đồng! Phải dùng pháo nổ đùng đùng mới có tài năng để đưa niên đi, do đó ta có tập tục đốt pháo đầu năm!



Ngày Tết Nông lịch nhiều tên cổ xung là nguyên nhật (ngày mồng một, nguyên nguyệt là tháng giêng), nguyên thìn (thần, thìn chỉ thứ năm trong 12 chi, ngày giờ đều gọi là thần, thìn; giờ thìn 7:00-9:00AM), nguyên chính, nguyên sóc (sóc là mới, ngày mồng một), nguyên đán (sáng sớm gọi là đán)

Nguyên do thay đổi ngày tháng Tết là bởi vua chúa dựa trên ngày giờ tạo thiên lập địa mà suy định nguyên nguyệt. Đọc trên Net Bách khoa Toàn thư giờ Tý thì có trời, giờ Sửu thì có đất, giờ Dần sinh loài người. Cho nên Hạ triều chuộng màu đen và chọn tháng giêng, tức tháng Dần. Thương Triều thích màu trắng nên lấy tháng Sửu, tức tháng chạp,

làm tháng đầu năm. Đời nhà Chu, ưa sắc đỏ nên chọn tháng Tý, tức tháng mười một, làm tháng nguyên đán. Tần lịch dùng tháng mười tức tháng Hợi. Hán Võ đế và Hạ triều đều dùng tháng Dần tức tháng giêng!

Cũng theo Net Bách Khoa Toàn Thư. Đến đời Đông Phương Sóc, ông cho rằng ngày tạo thiên lập địa có thêm giống Gà, ngày thứ hai có thêm Chó, ngày thứ ba có Lợn, ngày thứ tư sinh Dê, ngày thứ năm sinh Trâu, ngày thứ sáu sinh Ngựa, ngày thứ bảy sinh loài Người và ngày thứ tám mới sinh ra ngũ cốc. Vì thế, ngày Tết thường được kể từ ngày mồng Một cho đến hết ngày mồng Bảy tháng giêng (8 ngày). Sách Genèse trong Cựu kinh ước Ky Tô Giáo lại kể Thượng Đế đã dựng vũ trụ và vạn hữu chúng sanh trong 7 ngày!



Xuân đến, thảo mộc thiên hình vạn tượng đều đổi mới, canh tân, là dịp để ăn mừng đủ mọi chuyện. Dân Việt mình hảo Ăn lăm. Dịp nào cũng tốt để ăn cả. Tháng 12 Dương lịch, cũng theo lịch duyệt Tây phương Ăn Rê Vây Ông (réveillon) No En Kit Mốt, tiếp đó là Ăn Tết Tây, Rê vây Ông Sanh Xin Vốt (Saint Sylvestre). Người Tây nói Nô En là ăn trong gia đình, còn Tết Tây là Ăn ngoài phố. Mười hai giờ đêm, lúc giao thừa, xe cộ có quyền bấm kèn tùm lum nghe chói tai, ra phố gặp mấy cô tóc vàng mắt xanh mũi lõ, có quyền ôm hôn chùn chụt, miệng nói Bon Nan Nê (Bonne Année).

Ở quê nhà, dân ta sau một năm làm việc quần quật vất vả, phải nghỉ ngơi xả hơi. Chiều ba mươi Tết, lo bỏ bánh chưng bánh tét vào nồi,

canh đúng bánh chín mười hai giờ đêm để Ăn giao thừa. Rồi thì cúng Ông Bà tổ Tiên và Ăn tết ! Đầu năm ăn uống linh đình rồi, trong năm lại thiếu chi dịp, Ăn cỗ, Ăn giỗ, Ăn tiệc Ăn tùng... Nào là Ăn đám hỏi đám cưới, Ăn tân gia, Ăn thượng thọ, Ăn sinh nhật..., có trẻ sơ sinh thì Ăn thôi nôi, Ăn đầy tháng, Ăn đầy năm, cứ có dịp là phải Ăn...Mấy cô hơ hớ xuân tình đi Ăn liên hoan về là có mang bầu tâm sự. Dân quê ham Ăn thì Ăn buổi giỗ, lễ buổi cày, Một ngày ăn giỗ, ba ngày húp nước. Việt Kiều ở Pháp thì Ăn Cắt tóc đuôi dê (14 Juillet), lại cũng có dịp ra đường để ôm hôn mấy nàng tóc vàng mắt xanh, ở Mỹ lễ Tạ Ôn thì Ăn gà Tây.

Kỳ rồi đến thăm ông anh được đọc 4 câu thơ Tây Kê Thi ông tức cảnh sinh tình sáng tác:

*Thân cư "Tây Kê" xứ,
Khẩu thực "Tây Kê" nhục,
Ngôn dụng "Tây Kê" ngữ,
Bất vi "Tây Kê" nhân...(**)*



Chuyện Ăn quan trọng lắm, cha mẹ dạy con Ăn nói lễ phép, Ăn uống chừng mực, Ăn trông nồi ngồi trông bếp, Ăn lấy hương lấy hoa, Ăn khoan ăn thai vừa nhai vừa nghĩ, đường Ăn lẽ ở, Dân ba xí ba tú thì lại Ăn nói hồ đồ, Ăn óc nói mò, Ăn bắt thừng chi thỉnh, Ăn đồ ăn vãi, Ăn bốc ăn bải, Ăn la ăn lét, Ăn trộm ăn cướp, Ăn cắp ăn mày, Ăn ngấu ăn nghiêng, Ăn như hộ pháp ăn né, Ăn như tầm ăn dẫu; có khi bịp bợm Ăn giả Ăn non, Ăn lường ăn quịt, ba sợi dzô thì Ăn nói huyền thuyên hay Ăn nói tầm bậy tầm bạ, Ăn tham

thì Ăn tái ăn tam, Ăn tay ăn túi; lũ chúng tôi bạn cũ gặp nhau là cơ hội để Ăn tục nói phét rồi hện nhau Đặng hôm ni Ăn hôm nớ! Các cô các bà thì Ăn kiêng ăn khem, thất nghiệp đi Ăn mày Ăn xin.

Do đó Ăn tết cũng chỉ là một dịp, trong muôn một, để dân ta Ăn. Ăn là một hình thức xã hội hóa các biến cố, sự việc sự kiện trong đời sống thường ngày. Vì Ăn quá xá quà xa, nên cỗ nhân mới dạy Miếng Ăn là miếng tội tàn. Nhưng với dân ta, chuyện Ăn là bất khả xâm phạm, thôi thì vút quách sách luận ngữ đi, đạo quân tử hay không thì cũng phải Ăn cái đã!

Dịp vui Ăn đã đành, nhưng buồn nhất là phải đi Ăn đám ma...

Gavilan Springs,
ngày canh Ngọ tháng Giêng năm Bính tuất
(02/10/2006)

(*) 24 Tiết trong năm:

lập xuân, vũ thủy, kinh chập, xuân phân, thanh minh, cốc vũ lập hạ, tiểu mãn, mang chủng, hạ chí, tiểu thử, đại thử lập thu, xử thử, bạch lộ, thu phân, hàn lộ, sương giáng lập đông, tiểu tuyết, đại tuyết, đông chí, tiểu hàn, đại hàn

(**) Bốn câu này tôi có diễn ra Hán Nôm cho dzui:

Ông anh tôi nghịch ngợm gọi Gà Tây là Tây Kê, chứ chứ hán gọi Gà Tây là Hòa Kê

